

MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP RÈN LUYỆN THAO TÁC LẬP LUẬN TRONG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN (CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 11)

ThS. PHẠM KIỀU ANH

Trong môn *Ngữ văn*, phân môn *Làm văn* (LV) mang tính thực hành. Ở tiết LV, bài tập (BT) chính là “bộ công cụ” quan trọng, giúp giáo viên (GV) bộ môn có điều kiện định hướng các nội dung cần luyện tập thực hành. Bởi vậy, BT thực hành rất cần thiết trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy học phân môn LV ở trường phổ thông.

Trong chương trình **Ngữ văn (NV) 11**, các *thao tác lập luận* (TTLL) được triển khai thành một hệ thống. Đó là những nội dung lí thuyết kĩ năng có vai trò quan trọng đối với việc rèn luyện lập luận cũng như vận dụng vào quá trình tạo lập văn bản nghị luận của học sinh (HS). Bài viết này tập trung giới thiệu một số dạng BT thường được sử dụng trong luyện tập thực hành cho HS.

1. Vai trò của BT trong giờ thực hành LV nghị luận

Trong thực hành LV, BT trước hết là những “môi trường giao tiếp” cụ thể và mỗi dạng BT thực hành LV đều gắn liền với một nội dung giao tiếp. Nội dung ấy chỉ được “tường minh hóa” trong một hoàn cảnh, với một đối tượng và hướng tới một mục đích cụ thể. Các BT này chính là cơ sở để GV tạo ra các môi trường giao tiếp cụ thể, tạo điều kiện để HS thể hiện năng lực nhận thức, kĩ năng cũng như thái độ học tập của bản thân.

Bên cạnh đó, các BT thực hành LV còn là những công cụ thiết thực giúp GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức, kĩ năng LV mà các em đã được học trong các giờ lí thuyết. Thông qua các hoạt động của tư duy (như phân tích, chứng minh, phán đoán, khái quát, tổng hợp), HS vừa hiểu sâu hơn các kiến thức khoa học trong những “sản phẩm” cụ thể, vừa có cơ hội ứng dụng những nội dung đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn. Có thể nói, với các BT thực hành khác nhau, HS thực sự được “tự biến” những “cái đã có, bên trong” để độc lập, tự chủ giải quyết các vấn đề. Từ đó, GV có điều kiện để đánh giá năng lực nhận thức của HS một cách khách quan; hiểu thêm con người, suy nghĩ, thái độ của HS trước những vấn đề của cuộc sống; phát triển tư duy, óc tưởng tượng, tính độc lập trong suy luận, hình thành ý

thức nghiêm túc, khoa học trong học tập ở các em.

Mặt khác, hệ thống BT thực hành còn là cầu nối gắn kết GV và HS - cơ sở để tạo ra những không gian học tập thân thiện, kích thích sự hứng thú, say mê trong học tập đối với người học.

2. Một số dạng BT rèn luyện TTLL

1) BT nhận diện. BT cho sẵn nội dung ngữ liệu (NL) và yêu cầu HS phân tích để tìm ra những biểu hiện về đặc điểm của TTLL hay cách thực hiện TTLL trong NL ấy. BT thường được áp dụng ngay trong phần thực hành sau khi dạy lí thuyết về các TTLL. Thông qua BT nhận diện, GV sẽ đánh giá được mức độ nắm kiến thức của HS, qua đó củng cố các tri thức hoặc điều chỉnh những sai lệch trong nhận thức của các em về TTLL ấy.

Chẳng hạn, sau khi dạy cho HS về TTLL bình luận, SGK **NV11** đã ra BT 2 với yêu cầu: “*Đoạn trích sau đây có sử dụng TTLL bình luận không? Căn cứ vào đâu để anh (chị) có thể kết luận là có (hoặc không)?*” và nêu nội dung NL. Để trả lời được yêu cầu của đề bài, HS cần nắm vững những kiến thức cũng như đặc điểm của TTLL bình luận.

Khi sử dụng BT này, GV có thể lấy NL theo SGK hoặc từ bên ngoài. Tuy nhiên, các NL lấy từ bên ngoài SGK phải đảm bảo tính tiêu biểu, rõ ràng và thể hiện rõ đặc trưng của việc sử dụng TTLL cần thực hiện.

2) BT so sánh, đối chiếu. BT nêu ra những NL có thể ẩn chứa các hình thức thể hiện TTLL hoặc có sự đối chiếu về nội dung ý nghĩa. Từ những NL, GV yêu cầu HS phân tích để tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa chúng.

Chẳng hạn, sau khi dạy cho HS về TTLL so sánh, để tổ chức thực hành “nhận diện” sự so sánh, **NV 11** đã đưa ra BT với yêu cầu: “*Hãy so sánh ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương và ngôn ngữ thơ Bà Huyện Thanh Quan qua hai bài thơ Tự tình (bài I) và Chiều hôm nhớ nhà*”. BT này nhằm mục đích kiểm tra nhận thức của HS ở mức vận dụng những nội dung đã học, đã biết để khám phá và tìm ra biểu hiện của những kiến thức trong các NL cụ thể. Do BT so sánh, đối

* Khoa Ngữ văn, Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2

chiều thường được sử dụng trong các giờ thực hành các TTLL hay khi hướng dẫn HS cách thức kết hợp các TTLL, nên khi lựa chọn, GV cần lưu ý NL được chọn phải có sự tương đồng với nhau về mặt kiến thức (tức là hệ thống các TTLL được sử dụng) hoặc về nội dung vấn đề. Qua đó, GV hướng dẫn HS phân tích để tìm ra sự tương đồng và khác biệt trong từng NL, rút ra những kết luận về sự cảm nhận của mỗi cá nhân HS.

3) BT phát hiện, sửa lỗi. Trong giờ thực hành, GV bộ môn cần tổ chức cho HS phân tích để phát hiện ra sự sai sót trong cách vận dụng và thể hiện các TTLL. Thông qua việc phân tích lỗi, xác định nguyên nhân mắc lỗi và sửa lại những chỗ diễn đạt chưa chính xác, HS sẽ tự rút ra những nhận xét cụ thể về cách thức hiện và sử dụng các TTLL khi trình bày vấn đề. Dạng BT này sẽ giúp GV vừa điều chỉnh lại các vấn đề lí thuyết cho HS, lại vừa thực hiện mục đích luyện các KN và trình độ sử dụng các TTLL trong quá trình tạo lập văn bản của chính các em. BT phát hiện sửa lỗi có thể được sử dụng trong các tiết thực hành, tiết trả bài. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, GV rất ngại thực hiện kiểu BT này bởi đòi hỏi năng lực sư phạm, sự khéo léo, tế nhị trong ứng xử của GV khi phân tích lỗi sai sót, nhằm tránh sự hiểu không đúng từ phía HS.

Khi sử dụng BT, GV có thể chọn những NL có lỗi diễn đạt chưa chính xác, hoặc lấy từ chính bài viết của các em. Khi chọn NL từ "sản phẩm" của HS, GV cần phải thực sự cân nhắc để không làm ảnh hưởng tới tâm lí cũng như sự mặc cảm của các em trước bạn bè.

Khảo sát bài làm của HS, có thể nhận thấy, lỗi mà các em mắc phải thường là chưa hiểu đúng nội dung yêu cầu của vấn đề (hoặc luận điểm). Vì thế, khi sử dụng các TTLL, HS thường thực hiện chưa đúng theo đặc trưng của các thao tác, nên cách lập luận của các em thiếu chặt chẽ, không tạo ra được sự thuyết phục đối với người tiếp nhận. Khi hướng dẫn HS thực hành, GV cần chú ý cho các em tìm ra những chỗ chưa đúng, chưa phù hợp với nội dung vấn đề hay yêu cầu của đề bài, tìm ra nguyên nhân dẫn tới lỗi đó rồi yêu cầu các em điều chỉnh lại cho đúng.

4) BT phân tích, đánh giá. BT này thường có hai phần: 1) Nêu nội dung NL; 2) Yêu cầu phân tích. NL được chọn có thể là một đoạn trích hoặc một văn bản (thường có dung lượng ngắn), với nội dung gắn với các vấn đề trong văn học hay và của xã hội.

Ví dụ: Khi hướng dẫn HS thực hành vận dụng kết hợp các TTLL phân tích và so sánh, NV11 nêu BT 1 với các yêu cầu cụ thể: - Nhận diện các TTLL được sử dụng trong NL; - Phân tích mục đích, tác dụng và cách kết hợp các TTLL trong NL; - Nêu đánh giá

về việc vận dụng kết hợp nhiều TTLL trong bài văn nghị luận. Mục đích chính của BT này là yêu cầu HS phân tích NL, nhận thấy sự kết hợp của phân tích và so sánh khi diễn đạt nội dung nghị luận, qua đó hiểu đúng hơn mục đích, ý nghĩa của sự kết hợp các TTLL. Qua đó, HS sẽ có những KN sử dụng và ý thức vận dụng những kiến thức mà các em thu được vào quá trình tạo lập văn bản của bản thân.

5) BT tạo lập đoạn văn, văn bản. BT này yêu cầu sự vận dụng kiến thức tổng hợp và những KN mà HS đã thu được vào quá trình viết đoạn văn hay viết bài văn ngắn, nên thường được sử dụng trong các giờ thực hành hoặc khi GV yêu cầu HS viết các bài văn kiểm tra (15 phút, một tiết).

BT thường có hai phần: 1) Nêu yêu cầu tạo lập; 2) Nêu rõ nội dung phải thể hiện. Thông qua BT, GV sẽ có những định hướng cơ bản hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ tạo lập. Tuy nhiên, việc thực hiện BT này trong giờ học sẽ tốn nhiều thời gian nên nhiều GV thường hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu của đề bài rồi làm bài tại nhà. Cách làm này tuy tiết kiệm được thời gian song lại chưa giúp các em phát huy được đúng năng lực nhận thức và KN của bản thân khi sáng tạo trong một thời gian nhất định. Thực ra, BT này không chỉ giúp HS thể hiện năng lực nhận thức và KN mà nó còn giúp các em thể hiện khả năng "ứng biến" những cái bên trong để tạo ra các sản phẩm cụ thể. Vì vậy, theo chúng tôi, GV có thể cho HS thực hiện BT ngay trong giờ thực hành trên lớp và sau đó đánh giá sản phẩm do các em tạo ra. Với cách làm này, GV sẽ có thêm cơ hội để củng cố, khắc sâu cũng như bồi dưỡng thêm ý thức cẩn trọng khi thực hiện và sử dụng các TTLL vào chính quá trình tạo lập văn bản sau đó.

Đối với HS, GV cần thể hiện rõ yêu cầu cũng như nội dung nghị luận để các em có định hướng cho việc tạo ra các "sản phẩm" mới. Ví dụ, khi hướng dẫn HS luyện tập về TTLL phân tích, NV11 có chọn BT 2 với yêu cầu: "*Phân tích vẻ đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật trong Tự tình (bài II)*".

6) BT triển khai với mục đích "tích hợp". Đây là dạng BT yêu cầu HS có thể từ những kiến thức của văn bản, của phân môn *Tiếng Việt* và *LV* để lí giải và tìm ra những kiến thức mới. BT này giúp GV tận dụng hệ thống kiến thức các phân môn của Ngữ văn để tìm ra những kiến thức và KN mới nên có tính "tổng hợp", thường được sử dụng trong khi hướng dẫn HS tổng hợp các kiến thức và KN đã học vào lí giải vấn đề.

Ví dụ: khi hướng dẫn HS tìm hiểu về TTLL bình luận, NV 11 có đưa ra BT: "*Có người cho rằng bình*

luận chẳng qua chỉ là sự kết hợp của hai kiểu lập luận giải thích và chứng minh. Nhận xét ấy đúng hay không đúng? Vì sao?”. Về bản chất, đây là một dạng của BT tích hợp, trong đó vấn đề định hướng tích hợp chính là căn cứ vào mối quan hệ giữa các tri thức cũ (giải thích và chứng minh là những kiến thức mà HS đã được trang bị từ cấp trung học cơ sở) và tri thức đang học (bình luận) trong hệ thống tri thức về văn nghị luận. Để tìm ra lời giải cho BT này, GV cần giúp HS hệ thống lại những kiến thức cũ bằng cách khơi gợi lại những nội dung đã học để từ đó các em tìm ra mối liên hệ giữa các kiến thức.

Trong quá trình rèn luyện các TTLL, hệ thống BT chính là “bộ công cụ” thiết yếu, giúp GV thực hiện các mục đích thực hành. Mỗi kiểu BT có một đặc điểm riêng, vai trò riêng trong hoạt động thực hành. Vì vậy, khi tổ chức luyện tập, GV cần căn cứ vào mục đích cần rèn luyện mà sử dụng các BT cho phù hợp. □

Tài liệu tham khảo

1. Lê A (chủ biên) - Lê Thị Thanh Hà - Lê Thị Tâm Hào - Nguyễn Thị Hoa - Trần Văn Toàn - Nguyễn

Quang Trung. **Thực hành làm văn lớp 11**. NXB Giáo dục, H. 2009.

2. Bộ GD-ĐT. **Tài liệu bồi dưỡng giáo viên Ngữ văn 11**. NXB Giáo dục, H. 2008.

3. Hà Thúc Hoan. **Làm văn nghị luận lí thuyết và thực hành**. NXB Thuận Hoá, Huế. 1992.

4. Phan Trọng Luận (chủ biên). **Ngữ văn 11 (tập 1, 2)**. NXB Giáo dục, H. 2007.

5. Bảo Quyển. **Rèn luyện kĩ năng nghị luận**. NXB Giáo dục, H. 2004.

6. Nguyễn Quốc Siêu. **Kĩ năng làm văn nghị luận phổ thông**. NXB Giáo dục, H. 1993.

7. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) - Phạm Minh Diệu - Nguyễn Thành Thi. **Làm văn**. NXB Đại học sư phạm, H. 2008.

SUMMARY

Composition Writing is a practical subject. To be more exact, the knowledge and skills in text formation are only detailed, formed and developed through practice activities. When it comes to the conduct of composition writing activity, it can be seen that exercises are an important tool, facilitating the teacher to orientate the content that needs drilling and practising. This article is focused on investigating some exercise types used to drill patterns of argument for senior high school students.

Thực trạng và giải pháp quản lí...

(Tiếp theo trang 6)

hành tốt công tác kiểm tra, kiểm toán của cơ quan QL và quy định mức chi theo danh mục được chi như các trường CL; + Có thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định 60/2011/QĐ-TTg, đặc biệt hướng dẫn việc hỗ trợ chi phí bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho GV MN NCL; hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi về tín dụng để các cơ sở GDMN tư thục có điều kiện nâng cấp, cải tạo CSVC, trang thiết bị...

3) Đối với UBND: + UBND tỉnh/thành phố có các văn bản đạo chỉ đạo UBND quận/huyện tăng cường QL các cơ sở GDMN NCL theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước. Xử lý nghiêm những cơ sở vi phạm quy định hiện hành; + Đẩy mạnh xã hội hóa GDMN, khuyến khích phát triển trường mầm non tư thục; + Có cơ chế khuyến khích XHH GDMN: Ưu tiên cho thuê đất lâu dài, cho vay vốn tín dụng ưu đãi để các tổ chức hoặc cá nhân mở trường MN tư thục. Thực hiện chế độ thuế hợp lí và cấp hỗ trợ kinh phí cho trẻ học MN tư thục từ ngân sách nhà nước theo tỉ lệ nhất định với đối tượng phù hợp.

4) Đối với phòng GD-ĐT quận/huyện: Căn cứ vào các quy định chung trong QL các cơ sở GDMN

NCL, đề ra các biện pháp chỉ đạo QL phù hợp với thực tiễn địa phương; + Có biện pháp hỗ trợ kịp thời đối với các cơ sở GDMN NCL trên địa bàn về nhân sự, CSVC và hoạt động chuyên môn.

5) Đối với các cơ sở GDMN NCL: Tùy điều kiện thực tế của loại hình cơ sở GDMN NCL để áp dụng các giải pháp QL cơ sở GDMN NCL đã được đề xuất. □

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tổng kết đề tài: “*Đổi mới quản lí cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trong quá trình hội nhập quốc tế*” (Mã số: B2010-37-88CT, Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Ngọc Trâm).

2. Bộ GD-ĐT. **Báo cáo tổng kết năm học 2011-2012 và phương hướng nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2012-2013**, Hà Nội, 8/2012.

SUMMARY

This article introduces the results of the study of the status and management solutions institution's non-public preschool Vietnam to reform management of non-public pre-school education in the process of international integration. The management of pre-school education institutions including many areas, this article focuses on four areas: management of education plan; management of quality education; organization and personnel management; financial management.